

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 18-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Xuân Sớm và ông Trần Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Oanh là Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hoàng-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS, ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: chị Trần Thị H sinh năm 1982, nơi thường trú khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, có mặt.

* Bị đơn: anh Bùi Văn K sinh năm 1968, nơi thường trú thôn B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Hùng V sinh năm 1979, nơi thường trú khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, nội dung bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: do có quen biết từ trước, ngày 25/3/2019 chị Trần Thị H cho anh Bùi Văn K vay số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng), hai bên lập hợp đồng cho vay tiền tại điểm kinh doanh bán hàng ăn của chị H thuê của ông Đỗ Văn A có địa chỉ tại thôn T, xã B, thị xã Đ có nội dung “anh Bùi Văn K, sinh năm 1968, trú tại thôn B, xã B, thị xã Đ là bên A vay của bên B là chị Trần Thị H sinh năm 1982, chỗ ở hiện tại thôn T, xã B, thị xã Đ số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng)”, hợp đồng không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ, số tiền này là tài sản chung của vợ chồng chị H, anh V trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên ngày 25/3/2019 khi anh K hỏi vay tiền chị H, anh

K nói rằng cho anh K vay 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) hẹn một tháng sau trả, khi đến hạn trả tiền chị H không thấy anh K đến trả tiền nên chị H đã gặp và thúc giục anh K trả nợ thì đến ngày 29/5/2019 anh K mới trả chị Hằng số tiền 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng), nay anh K còn nợ lại số tiền 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng) nên chị H yêu cầu anh K trả chị H toàn bộ số tiền trên và không yêu cầu anh K phải trả lãi.

2. Quá trình giải quyết vụ án anh K không đến Tòa án để làm việc, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2024 anh K thừa nhận ngày 25/3/2019 anh K có vay của chị Trần Thị H trú tại dân cư T, phường V, thành phố C số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng). Ngày 29/5/2019 anh K đã trả được số tiền 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng) cho chị H, anh K còn nợ lại chị Hằng số tiền 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng), anh K xin trả dần số tiền trên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hùng V có bản tự khai trình bày nội dung chị Trần Thị H là vợ anh V, chị H có cho anh Bùi Văn K vay số tiền 50.000.000^d (năm mươi nghìn đồng) số tiền này là tài sản chung của vợ chồng. Anh K đã trả số tiền 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng), đến nay anh K còn nợ chị Hằng số tiền là 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng). Anh V nhất trí nội dung chị H trình bày ở trên và yêu cầu anh K phải trả vợ chồng anh V, chị Hằng số tiền còn lại là 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, cụ thể yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc là 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến hay nội dung trình bày nào khác nội dung tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày thống nhất với nội dung và yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án tham gia hòa giải, chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 33 luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả chị H, anh V số tiền nợ gốc 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng), còn đối với số tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án: nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; hợp đồng được giao kết và thực hiện tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh nên nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa: tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và người có nguyên lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp phải có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều nghiên cứu và cử Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận theo nội dung tại hợp đồng cho vay tiền ngày 25/3/2019 anh Bùi Văn K có vay của chị Trần Thị Hằng S tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng), không thỏa thuận thời hạn trả nợ và không thỏa thuận về lãi suất. Đến ngày 29/5/2019 anh K đã trả được số tiền 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng) cho chị H, anh K còn nợ lại chị Hằng số tiền 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng), vì vậy đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ căn cứ xác định vào ngày 25/3/2019 giữa chị Trần Thị H với anh Bùi Văn K đã xác lập Hợp đồng cho vay tiền với số tiền chị H cho anh K vay là 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng), không thỏa thuận thời hạn vay và không thỏa thuận tiền lãi trong hợp đồng.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng cho vay tiền giữa chị Trần Thị H và anh Bùi Văn K được xác lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, do đó đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay.

[2.3] Xét thấy, hợp đồng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, tuy nhiên chị H trình bày lý do không thỏa thuận thời hạn trả nợ trong hợp đồng là tại thời điểm vay tiền, anh K nói rằng một tháng sau sẽ trả hết và trên thực tế sau một tháng không thấy anh K trả tiền nên chị H đã thúc giục anh K trả nợ cụ thể đến ngày 29/5/2019 anh K đã trả chị H 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng), nên có cơ sở để xác định anh K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, do đó yêu cầu đòi nợ của chị H là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hùng V cung cấp cho Tòa án căn cứ xác định chị H với anh V có quan hệ vợ chồng, số tiền chị H cho anh K vay

là tài sản chung của vợ chồng chị H, anh V trong thời kỳ hôn nhân nên anh K phải có nghĩa vụ trả cho chị H và anh V số tiền còn nợ nói trên.

[2.5] Về tiền lãi: trong hợp đồng cho vay tiền không thể hiện có thỏa thuận tiền lãi và chị H cũng không yêu cầu anh K phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy đề nghị này phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 33 luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ quốc hội; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

Xử:

1. Buộc bị đơn anh Bùi Văn K phải trả cho chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hùng V số tiền là 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: anh Bùi Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000^d (một triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng).

Chị Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại chị Trần Thị Hằng S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000^d (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003507 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường